

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22/08/2024

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình
chia tài sản chung và nợ chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tú OA

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quỳnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Đào Anh Vũ - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 673/TLST-HNGĐ ngày 15/08/2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, chia tài sản chung và nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 07 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị N- sinh năm: 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người được ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh A (Có mặt)

Địa chỉ: 03 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Ngọc N- sinh năm: 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1- Trung đoàn K (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

3.2 Bà Tô Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.3 Bà Cao Thị H (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.4 Bà Lê Thị Hồng V (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.5 Bà Mai Thị T (Vắng mặt)

Địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.6 Ông Đoàn Ngọc T(Vắng mặt)
Địa chỉ: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.7 Ông Phạm Tiến L(Có mặt)
Địa chỉ: xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông

3.8 Bà Nguyễn Thị T(Vắng mặt)
Địa chỉ: xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

3.9 Bà Bùi Thị K(Vắng mặt)
Người được ủy quyền của bà Bùi Thị K là: Ông Nguyễn Gia Hùng(Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.10 Ông Đoàn Ngọc T(Vắng mặt)
Địa chỉ: Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1]. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa N đơn và đại diện ủy quyền của N đơn trình bày:

Tôi và ông Đoàn Ngọc N tự nguyện sống chung không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2002.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, N nhân mâu thuẫn 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau mất an ninh khu phố vợ chồng sống ly thân khoảng 05 năm nay.

Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Ngọc N.

-Về con chung: Tôi và ông N 03 con chung là: Cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000; Đoàn Thị Ngọc A- sinh ngày 16/01/2002; Đoàn Đình D; sinh ngày 04/3/2012.

Đối với cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000; Đoàn Thị Ngọc A- sinh ngày 16/01/2002 đã đủ tuổi thành niên. Tuy nhiên cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000 bị mất năng lực hành vi dân sự nên vẫn cần sự chăm sóc của cha mẹ.

Từ khi ly thân 03 cháu ở với ông N, khi ly hôn tôi đồng ý giao 02 con chung là cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000 và Đoàn Đình D; sinh ngày 04/3/2012 cho ông Đoàn Ngọc N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi hiện tại đi làm ăn xa không đủ kinh tế để nuôi con, vì vậy tôi đồng ý cấp dưỡng 500.000 đồng/cháu/tháng cho con chung vì thu nhập hiện nay của bà N làm công nhân khoảng 4.500.000 đồng/tháng

-Về tài sản chung và nợ chung đối với ông Đoàn Ngọc N yêu cầu chia tài sản chung với bà Hoàng Thị N gồm: Căn nhà cấp 4 khoảng 36m² trên diện tích 14.000m² đất đất hợp đồng cà phê liên kết với Trung đoàn K ở huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông; 01 căn nhà diện tích khoảng 100m² trên diện tích 554,8m² thửa đất số 3039, tờ bản đồ số 47 tại thôn Cao Thắng, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk của mẹ vợ cho là bà Tô Thị T và 01 m ngang đất mua của cậu bà Hoàng Thị N là ông Hoàng Đăk T ngay sát vách đất của bà Tô Thị T tại Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông Đoàn Ngọc N xin rút yêu

cầu vì không nộp được các chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện thì đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu này theo quy định.

-Về nợ chung ông Đoàn Ngọc N yêu cầu chia nợ chung với bà Hoàng Thị N gồm:

Khoản nợ ông N, bà N vay cà phê của bà Cao Thị H trị giá 26.650.000 đồng, ông N, bà N vay tiền 35.000.000 đồng của bà Bùi Thị K, ông bà N, bà Nghĩa mượn 200kg Cafe quy ra là 10.000.000 đồng; ông N, bà Nghĩa mua phân bón thuốc sâu: 15.904.000 đồng của ông Đoàn Ngọc T; ông N, bà Nghĩa nợ ông Phạm Tiến L tiền mua phân và vay tiền học cho con là: 44.450.000 đồng; ông N, bà N vay tiền ông Đoàn Ngọc T 15.000.000 đồng. Đối với khoản nợ chung này tại phiên tòa ông Đoàn Ngọc N xin rút yêu cầu vì không cung cấp được chứng cứ gốc nên đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu này theo quy định

Đối với tiền vay của bà Nguyễn Thị T vay số tiền 5.000.000 đồng thì bà N thừa nhận có ký giấy vay và đồng ý một mình trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà T không liên quan đến ông N.

Đối với khoản nợ của bà Lê Thị Hồng V mua phân bón số tiền: 23.585.000 đồng bà N đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên cho bà V, còn ông N phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên cho bà V.

2. Bị đơn ông Đoàn Ngọc N trình bày:

Tôi và bà Hoàng Thị N tự nguyện sống chung không có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 24/9/2002. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, N nhân mâu thuẫn 02 vợ chồng sống không hòa hợp thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau mất an ninh khu phố vợ chồng sống ly thân khoảng gần 04 năm nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng là không còn tôi không muốn đoàn tụ với bà N và đồng ý ly hôn với bà N.

-Về con chung: Tôi và bà N 03 con chung là: Cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000; Đoàn Thị Ngọc A- sinh ngày 16/01/2002; Đoàn Đình D; sinh ngày 04/3/2012.

Từ khi ly thân 03 cháu ở với tôi khi ly hôn tôi đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung đến tuổi thành niên.

Đối với cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000; Đoàn Thị Ngọc A- sinh ngày 16/01/2002 đã đủ tuổi thành niên. Tuy nhiên cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000 bị mất năng lực hành vi dân sự đã được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên vẫn cần sự chăm sóc của cha mẹ.

-Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật.

-Về tài sản chung và nợ chung: Tôi yêu cầu chia tài sản chung gồm: Căn nhà cấp 4 khoảng 36m² trên diện tích 14.100m² đất đất hợp đồng cà phê liên kết với Trung đoàn K ở huyện Tuy Đức, tỉnh Dak Nông, 01 căn nhà xây cấp 4 khoảng 100m² trên diện tích 554,8m² thửa đất số 3039, tờ bản đồ số 47 tại thôn Cao Thắng, xã Ea Kao, thfnh phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk của bà Tô Thị T và 01m ngang dài khoảng 50m đất mua của cậu bà N là ông Hoàng Đăk T ngay sát vách đất của bà Tô Thị T tại Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Tại phiên tòa hôm nay tôi xin rút yêu cầu vì tôi chưa cung cấp được chứng cứ trong vụ án, tôi chưa đóng tiền chi phí tố tụng nên tôi sẽ khởi kiện tài sản chung này thành một vụ án khác khi tôi yêu cầu.

Tôi yêu cầu chia nợ chung với bà Hoàng Thị Ngôm các khoản nợ:

Khoản nợ tôi và bà N vay cà phê của bà Cao Thị H trị giá 26.650.000 đồng, tôi và bà N vay số tiền 35.000.000 đồng của bà Bùi Thị K, tôi và bà N mượn 200kg Cà phê quy ra tiền là 10.000.000 đồng; tôi và bà N mua phân bón, thuốc sâu: 15.904.000 đồng của ông Đoàn Ngọc T; tôi và bà Nghĩa còn nợ ông Phạm Tiến L tiền mua phân và tiền vay cho con đi học đại học là: 44.450.000 đồng; tôi và bà Nghĩa vay tiền ông Đoàn Ngọc T 15.000.000 đồng. Đối với các khoản nợ chung này tại phiên tòa tôi xin rút yêu cầu vì tôi không cung cấp được chứng cứ gốc nên đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu này theo quy định.

Đối với tiền vay của bà Nguyễn Thị T vay 5.000.000 đồng thì bà N thừa nhận có ký giấy vay và tự nguyện đồng ý một mình trả 5.000.000 đồng cho bà T thì không liên quan đến tôi nên tôi không ý kiến gì.

Đối với khoản nợ của bà Lê Thị Hồng V số tiền: 23.585.000 đồng mua phân bón bà N đồng ý trả ½ số tiền trên cho bà V, còn tôi đồng ý phải trả ½ số tiền trên cho bà V.

3. Binh Đoàn 16 trung đoàn 726 trình bày:

Ông Đoàn Ngọc N có ký Hợp đồng việc giao khoán diện tích Cà phê kinh doanh số 13/2020/HĐ ngày 20/9/2020 với Trung đoàn 726 với diện tích nhận khoán 1,41ha vườn cây Cà phê trồng 2014 thuộc Đội sản xuất 2/ Trung đoàn 726 tại Thôn 2 xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Diện tích đất và cây trồng Cà phê trên là của Trung Đoàn 726. Tài sản này nghiêm cấm các hộ nhận khoán trao đổi, mua, bán, sang nhượng, tặng, cho, phân chia...vv. dưới mọi hình thức. Trường hợp các hộ nhận khoán không còn nhận khoán nữa thì Trung đoàn 726 sẽ thanh lý hợp đồng nhận khoán, khi di dời tài sản phải được sự cho phép của Binh đoàn 726.

4. Bà Bùi Thị K, bà Nguyễn Thị T, bà Mai Thị T, ông Phạm Tiến L, ông Đoàn Ngọc T, bà Lê Thị Hồng V trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện chia nợ chung của ông Đoàn Ngọc N thì chúng tôi đồng ý và đề nghị buộc ông N, bà N phải trả tiền nợ cho chúng tôi.

5. Ông Đoàn Ngọc T trình bày: Năm 2020 tôi có cho em tôi Đoàn Ngọc N vay 15.000.000 đồng để đóng học phí cho cháu đi học Đại học nay tôi không yêu cầu ông N phải trả nữa vì tôi tự nguyện cho cháu..

6. Bà Tô Thị T trình bày: Vì thương vợ chồng N, N nên tôi có cho vợ chồng con cái mượn phần đất diện tích 554,8m² thửa đất số 3039, tờ bản đồ số 47 tại thôn Cao Thắng, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để xây nhà và các công trình phụ. Hiện tại tôi vẫn đang cho bà N ở và tôi sẽ thông báo lấy lại đất trước thời hạn 01 tháng. Nay N, và N ly hôn tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:

Tuyên xử: -Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của N đơn về việc: Công nhận bà Hoàng Thị N thuận tình ly hôn với ông Đoàn Ngọc N.

+Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000 và cháu Đoàn Đình D; sinh ngày 04/3/2012 cho ông Đoàn Ngọc N.

+Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hoàng Thị N có trách nhiệm phải cấp dưỡng mỗi tháng 2.500.000 đồng/cháu

-Chấp nhận một phần yêu cầu chia nợ chung của ông Đoàn Ngọc N:

+Buộc bà Hoàng Thị N phải trả số tiền 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T.

+Buộc bà N, ông N phải liên đới trả số tiền 23.585.000 đồng tiền mua phân bón cho bà Lê Thị Hồng V; chia theo phần ông N: 11.792.000 đồng và N 11.792.000 đồng

-Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc N; cụ thể:

+Về tài sản chung: Chia căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 36 m² trên diện tích đất 14.100m² đất ở huyện Tuy Đức, tỉnh Dak Nông đất hợp đồng cà fe liên kết với Binh đoàn 16; 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m² trên diện tích 554,8m² thửa đất số 3039, tờ bản đồ số 47 tại thôn Cao Thắng, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk của bà Tô Thị T cho mượn và 01m ngang đất mua của cậu bà N là ông Hoàng Đắc T tại Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk .

+Các khoản nợ chung: Nợ vay cà fe trị giá 26.650.000 đồng của bà Cao Thị H, số tiền 35.000.000 đồng vay của bà Bùi Thị K, vay 02 tạ Ca fe quy ra là 10.000.000 đôn của bà Mai Thị T; 15.904.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc sâu của ông Đoàn Ngọc T; số tiền 15.000.000 đồng vay của ông Đoàn Ngọc T; 44.450.000 đồng tiền mua phân vay, tiền học cho con đi học đại học của ông Phạm Tiến L.

-Về án phí: Bị đơn, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: TrA chấp giữa N đơn bà Hoàng Thị N và bị đơn ông Đoàn Ngọc N là tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình chia tài sản chung và nợ chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà N và ông N là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà N và ông N không còn thương yêu, gắn bó với nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà N và ông N không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông N cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông N cũng đồng ý ly hôn với bà N nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị N và ông Đoàn Ngọc N.

-Về con chung: Ông N và bà N có 03 con chung là: Cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000; Đoàn Thị Ngọc A- sinh ngày 16/01/2002; Đoàn Đình D; sinh ngày 04/3/2012.

Đối với cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000; Đoàn Thị Ngọc A- sinh ngày 16/01/2002 đã đủ tuổi thành niên. Tuy nhiên cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh

ngày: 5/4/2000 bị mất năng lực hành vi dân sự và đã được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên vẫn cần sự chăm sóc của cha mẹ và cần giao cho cha, mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Từ khi ly thân 03 cháu ở với ông N, bà N cũng đồng ý giao 02 con chung cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng nuôi con chung. Khi ly hôn ông N tự nguyện được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi thành niên, bà N đồng ý giao 02 con chung cho ông N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện nên cần giao cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000 và cháu Đoàn Đình D; sinh ngày 04/3/2012 cho ông Đoàn Ngọc N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N cho rằng đi làm công nhân thu nhập thấp nên chỉ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 500.000 đồng/cháu. Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng bà N đưa ra là quá thấp không đủ để ông N nuôi 02 con chung nên xét mức cấp dưỡng hiện nay tại địa phương và mức thu nhập của bà N nên cần buộc bà Hoàng Thị N phải cấp dưỡng số tiền 2.500.000 đồng/cháu/tháng kể từ tháng 08/2024 cho ông Đoàn Ngọc N là phù hợp.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Tại phiên tòa ông Đoàn Ngọc N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm:

+Về tài sản chung: Chia căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 36 m² trên diện tích đất 14.100m² đất ở huyện Tuy Đức, tỉnh Dak Nông đất hợp đồng cà fe liên kết với Binh đoàn 16; 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m² trên diện tích 554,8m² thửa đất số 3039, tờ bản đồ số 47 tại thôn Cao Thắng, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk của mẹ vợ là bà Tô Thị T cho mượn và 01m ngang dài khoảng 50m đất mua của cậu bà N là ông Hoàng Đắc T tại Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+Các khoản nợ chung: Nợ vay cà fe trị giá 26.650.000 đồng của bà Cao Thị H, số tiền 35.000.000 đồng vay của bà Bùi Thị K, vay 02 tạ Ca fe quy ra là 10.000.000 đồng của bà Mai Thị T; 15.904.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc sâu của ông Đoàn Ngọc T; số tiền 15.000.000 đồng vay của ông Đoàn Ngọc T; 44.450.000 đồng tiền mua phân vay tiền học cho con học đại học của ông Phạm Tiến L.

Tại phiên tòa ông Phạm Tiến L cũng đồng ý với việc rút đơn của ông Đoàn Ngọc N về khoản nợ chung. Ông L sẽ khởi kiện thành vụ án khác khi có yêu cầu nên không xem xét.

Hội đồng xét thấy: Việc rút đơn của ông Đoàn Ngọc N là sự tự nguyện vì ông Đoàn Ngọc N chưa cung cấp được chứng cứ gốc, không nộp tiền chi phí phí tố tụng nên cần đình chỉ yêu cầu này theo quy định.

-Về nợ chung: Ông Đoàn Ngọc N vẫn yêu cầu các khoản nợ chung vì cung cấp được chứng cứ gốc gồm: Nợ chung khoản vay 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T và nợ chung đối với khoản vay số tiền 23.585.000 đồng tiền mua phân của Lê Thị Hồng V.

Tại phiên tòa bà Hoàng Thị N tự nguyện một mình trả 5.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị T không liên quan đến ông Đoàn Ngọc N nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Bà N và ông N thừa nhận có nợ Lê Thị Hồng V tiền mua phân bón nên cần buộc bà N và ông N liên đới trả 23.585.000 đồng tiền mua phân bón cho bà Lê Thị

Hồng V; chia theo phần: ông Đoàn Ngọc N trả: 11.792.000 đồng và Hoàng Thị N trả 11.792.000 đồng nên cần ghi nhận

[4] Về án phí: Bà Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai số 021104 ngày 02/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

-Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu chia nợ chung được chấp nhận nên ông Đoàn Ngọc N phải chịu án phí DSST như sau:

$11.792.500 \text{ đồng} \times 5\% = 590.000 \text{ đồng}$

Ông N được khấu trừ vào số tiền 7.392.000 đồng theo biên lai số 0021637 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hoàn trả lại ông N số tiền 6.802.000 đồng theo biên lai nói trên.

Bà Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: $16.792.500 \text{ đồng} \times 5\% = 840.000 \text{ đồng}$

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; khoản 1, 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147, Điều 217, Điều 218, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Điều 587 Bộ Luật dân sự

Áp dụng các Điều 19, Điều 27, Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1].Chấp nhận một phần yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị N: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị N và ông Đoàn Ngọc N.

-Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/4/2000 cho ông Đoàn Ngọc N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Đình D; sinh ngày: 04/3/2012 cho ông Đoàn Ngọc N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi thành niên(18 tuổi).

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc bà Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đoàn Thị Ngọc A; sinh ngày: 5/04/2000 cho ông Đoàn Ngọc N mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 08/2024.

Buộc bà Hoàng Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đoàn Đình D; sinh ngày: 04/3/2012 cho ông Đoàn Ngọc N mỗi tháng 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 08/2024 đến khi cháu Đoàn Đình D đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

2].Chấp nhận một phần yêu cầu chia nợ chung của ông Đoàn Ngọc N:

-Buộc bà Hoàng Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 5.000.000 đồng.

-Buộc bà Hoàng Thị N và ông Đoàn Ngọc N phải liên đới trả số tiền: 23.585.000 đồng cho bà Lê Thị Hồng V; chia theo phần:

Bà Hoàng Thị N phải trả số tiền 11.792.500 đồng và ông Đoàn Ngọc N phải trả số tiền 11.792.500 đồng cho bà Lê Thị Hồng V

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Ngọc N về việc:

-Chia các tài sản chung: Căn nhà cấp 4 diện tích khoảng 36 m² trên diện tích khoảng đất 14.000m² đất tại huyện Tuy Đức, tỉnh Dak Nông, đất hợp đồng trồng Cà phê liên kết với Binh đoàn 16, 01 căn nhà xây cấp 4 diện tích khoảng 100m² trên diện tích 554,8m² thửa đất số 3039, tờ bản đồ số 47 tại thôn Cao Thắng, xã Ea Kao, tHnh phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk của mẹ vợ là bà Tô Thị T và 01m ngang đất mua của cậu bà N là ông Hoàng Đăk T, đất tọa lạc tại Xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

-Các khoản nợ chung: Nợ vay cà fe trị giá 26.650.000 đồng của bà Cao Thị H, số tiền 35.000.000 đồng vay của bà Bùi Thị K, nợ vay 02 tạ Cafe quy ra tiền là 10.000.000 đồng của bà Mai Thị T; số tiền 15.904.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc sâu của ông Đoàn Ngọc T; số tiền 15.000.000 đồng vay của ông Đoàn Ngọc T; số tiền 44.450.000 đồng tiền mua phân, vay tiền học cho con đi học đại học của ông Phạm Tiến L.

4] Về án phí:

-Bà Hoàng Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà N đã nộp theo biên lai số 021104 ngày 02/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bà Hoàng Thị N còn phải chịu 840.000 đồng án phí DSST.

-Ông Đoàn Ngọc N phải chịu 590.000 đồng án phí DSST được khấu trừ vào số tiền 7.392.000 đồng 0021637 ngày 17/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả lại ông Đoàn Ngọc N số tiền 6.802.000 đồng theo biên lai nói trên.

5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Đăklăk;
- VKSND Tỉnh Đăklăk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thột;
- CCTHADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Ea Kao
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã p. Tụ An
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Vĩ